

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **355** /TB-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày **8** tháng **4** năm 2022

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022

Trường Đại học Duy Tân thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 như sau:

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh tham gia xét tuyển phải tốt nghiệp đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước cũng như nước ngoài, bao gồm cả công dân Việt Nam và cả người nước ngoài.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển cần thỏa mãn các điều kiện sau:

1) Điều kiện văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi tham gia xét tuyển.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

2) Về trình độ ngoại ngữ

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Duy Tân cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*Phụ lục*).

- Người dự tuyển đáp ứng các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ như trên nhưng ngoại ngữ không phải là tiếng Anh thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

b) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường Đại học Duy Tân.

3) Về kinh nghiệm làm việc và năng lực nghiên cứu khoa học

- Các đối tượng tuyển sinh có bằng đại học ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Đối với các ngành quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

- Bài báo khoa học đăng trên tạp chí ngành có chỉ số ISSN hoặc Bài báo quốc tế ISI, SCOPUS hoặc Bài báo đăng trong Hội thảo quốc gia, quốc tế hoặc đề tài NCKH trong quá trình học đại học, làm việc (nếu có).

1.3. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục (a);

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Chuyên ngành, chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức đào tạo

2.1. Chuyên ngành

Trường xét tuyển 14 chuyên ngành đào tạo, cụ thể sau:

TT	Mã ngành	Ngành học	Ghi chú
1	8480101	Khoa học máy tính	
2	8340101	Quản trị kinh doanh	
3	8340301	Kế toán	
4	8580201	Kỹ thuật xây dựng	
5	8340201	Tài chính - Ngân hàng	
6	8310206	Quan hệ quốc tế	
7	8720212	Tổ chức quản lý dược	
8	8380107	Luật kinh tế	
9	8520203	Kỹ thuật Điện, Điện tử	
10	8520320	Kỹ thuật Môi trường	
11	8229030	Văn học	
12	8810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
13	8480103	Kỹ thuật phần mềm	
14	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	

2.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 625 chỉ tiêu

2.3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo tập trung toàn thời gian.
- Chương trình đào tạo: Theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.
- Thời gian đào tạo từ 1,5- 2 năm, tùy theo chương trình của từng ngành đào tạo

3. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung

Qui định ngành đúng, ngành phù hợp và ngành xa với các ngành đăng ký dự thi và các môn học bổ túc kiến thức được thể hiện chi tiết trong *Phụ lục*.

4. Hồ sơ dự tuyển

- Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);
- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học (*có chứng thực*);
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (*có chứng thực*);
- Bản sao các quyết định về nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác liên quan đến ngành dự tuyển (nếu có)
- Bản sao bài báo (nếu có, 02 bản: gồm trang bìa, mục lục và nội dung bài báo).
- Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện cấp quận, huyện trở lên cấp;
- Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Hai ảnh 4x6 cm;
- Hai phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

5. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh

5.1. Thời gian nhận hồ sơ

- Từ ngày ra thông báo đến ngày 30/6/2022 (buổi sáng từ 7h00 -11h00, buổi chiều từ 13h00 – 17h00).
- Đối với thí sinh ngành khác đăng ký dự thi chuyên ngành **Quản trị kinh doanh**, hạn cuối nộp hồ sơ là 15/6/2022.
- Học chuyển đổi: Từ 20/6/2022.

5.2. Ngày xét tuyển và nhập học

- Ngày xét tuyển dự kiến ngày 09-10 tháng 7 năm 2022
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển và nhập học: từ 15/7 đến 16/7/2022

5.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp ngành phù hợp với chuyên ngành xét tuyển sẽ được xét tuyển ngay, đối với các thí sinh tốt nghiệp không đúng ngành phù hợp với chuyên ngành xét tuyển sẽ tham gia học chuyển đổi đảm bảo đủ điều kiện xét tuyển.

6. Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học

- Lệ phí xét tuyển: 1.500.000 đ/học viên
- Học phí: Trường áp dụng mức học phí năm học 2022-2023 cụ thể sau:

Bảng 1. Qui định mức học phí trình độ Thạc sĩ

TT	Mã ngành	Ngành học	Học phí (Đồng)/Học kỳ	Học phí (Đồng)/Năm học
1	8480101	Khoa học máy tính	16.000.000	32.000.000
2	8340101	Quản trị kinh doanh	16.000.000	32.000.000
3	8340301	Kế toán	16.000.000	32.000.000
4	8580201	Kỹ thuật xây dựng	16.000.000	32.000.000
5	8340201	Tài chính - Ngân hàng	16.000.000	32.000.000
6	8310206	Quan hệ quốc tế	16.000.000	32.000.000
7	8720212	Tổ chức quản lý dược	24.000.000	48.000.000
8	8380107	Luật kinh tế	16.000.000	32.000.000
9	8520203	Kỹ thuật Điện, Điện tử	16.000.000	32.000.000
10	8520320	Kỹ thuật Môi trường	16.000.000	32.000.000
11	8229030	Văn học	16.000.000	32.000.000
12	8810103	Quản trị dịch vụ DL&LH	20.000.000	40.000.000
13	8480103	Kỹ thuật phần mềm	18.000.000	36.000.000
14	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	16.000.000	32.000.000

7. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ dự thi

- Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, TP.Đà Nẵng
- Ban Sau đại học, Trường Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng.
- Các địa điểm thu nhận hồ sơ của Trường Đại học Duy Tân tại các địa phương.
- Điện thoại liên hệ: (0236)- 3653561-3650403-3652608;
Hot line: 090.5.476.939
- Website: <http://tuyensinh.duytan.edu.vn>; <http://sdh.duytan.edu.vn>

** Nơi gửi:*

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phòng KHTC;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VP, Ban SDH



***TS. Võ Thanh Hải**





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC I

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
 NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI
 NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO
 TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng
 Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Trương đương Bậc 3	Trương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2



PHỤ LỤC II

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP,
NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VÀ CÁC HỌC PHẦN
BỔ SUNG KIẾN THỨC THI TUYỂN SINH CAO HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHDT ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)

I. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác

Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần	Ngành khác
1. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Quản trị kinh doanh		
Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Quản trị nhân lực, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thời trang và dệt may, Thương mại điện tử.	Quản trị văn phòng, Hệ thống thông tin quản lý, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.	Các ngành không có trong danh mục ngành đúng, phù hợp và ngành gần.
2. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Kế toán		
Kế toán, Kiểm toán	Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Quản trị nhân lực, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thời trang và dệt may, Thương mại điện tử, Quản trị văn phòng, Hệ thống thông tin quản lý, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.	
3. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Tài chính - Ngân hàng		
Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm	Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Quản trị nhân lực, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thời trang và dệt may, Thương mại điện tử, Quản trị văn phòng, Hệ thống thông tin quản lý, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.	
4. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Luật kinh tế		
Luật kinh tế, Luật, Luật hiến	Giáo dục pháp luật, Xây dựng Đảng và	

pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật quốc tế	chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Chính trị học, Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Kinh tế phát triển, Kinh tế đầu tư, Kinh tế, Thống kê kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng	
5. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Khoa học máy tính		
Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật mạng, Mạng máy tính và Truyền thông, Công nghệ phần mềm, Tin học, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Sư phạm Tin học, Cơ sở Toán trong Tin học, Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Điện tử- Viễn thông, Toán Tin, Lý Tin, Toán học, Vật lý, Cơ điện tử, Điện- Điện tử, Tin học Kinh tế.	
6. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật xây dựng		
Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật xây dựng.	Công nghệ kỹ thuật giao thông, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng, Kỹ thuật công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật công trình thủy, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Kiến trúc	
7. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật điện tử		
Công nghệ kỹ thuật điện, Điện tử, Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Điện - Điện tử.	Khoa học máy tính, Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Hệ thống thông tin	
8. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Quan hệ quốc tế		
Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Quốc tế học	Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông Phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Việt Nam học, Truyền thông quốc tế, Luật quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế quốc tế, Hàng hải quốc tế, An	

	ninh, Kinh tế đối ngoại, Lịch sử thế giới, Văn hóa học, Tôn giáo học, Quản lý xã hội, Chính sách công, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Trung, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn, Ngôn ngữ Thái	
9. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Tổ chức quản lý dược		
Dược học		
10. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật môi trường		
Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường	Khoa học môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	
11. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Du lịch	Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Quản trị kinh doanh, Quản trị sự kiện, Việt Nam học, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.	
12. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Văn học		
Văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành thuộc nhóm Khác ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài như: Lịch sử, Tôn giáo, văn hóa học, quản lý văn hóa, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Gia đình học... - Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam như: Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Sáng tác Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, ... - Các ngành thuộc nhóm khu vực học 	

	như: Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông Phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Việt Nam học,... - Các ngành thuộc lĩnh vực xã hội – nhân văn khác nhóm Báo chí và Thông tin như: Truyền thông đại chúng, Báo chí...	
13. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Hệ thống thông tin quản lý		
Hệ thống thông tin quản lý ngành, Hệ thống thông tin, hoặc các ngành có nội dung đào tạo tương tự phù hợp.	Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Khoa học quản lý, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Truyền thông và mạng máy tính, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin.	
14. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật phần mềm		
Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, An toàn thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Tin học quản lý, Sư phạm Tin học.	Toán Tin học, Tin học công nghiệp, Toán ứng dụng, Cơ Tin, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện – Điện tử.	

Ghi chú: Các ngành liên quan không có tên trong danh sách ngành đúng, phù hợp và ngành gần được liệt kê ở trên sẽ được hội đồng tuyển sinh xem xét cụ thể.

II. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

1. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Quản trị kinh doanh

1.1. Đối với thí sinh có bằng đại học ngành gần

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Tiếp thị căn bản	2
2	Quản trị nhân sự	2
3	Quản trị chiến lược	2

1.2. Đối với thí sinh có bằng đại học ngành khác

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Tiếp thị căn bản	2
2	Quản trị nhân sự	2
3	Quản trị chiến lược	2
4	Quản trị học	2
5	Kinh tế vi mô	2
6	Kinh tế vĩ mô	2

2. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Kế toán

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Phân tích tài chính	2
2	Kế toán tài chính	2
3	Kế toán quản trị	2

3. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Tài chính - Tiền tệ	2
2	Quản trị tài chính	2
3	Quản trị ngân hàng thương mại	2

4. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Luật kinh tế

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2
2	Hiến pháp Việt Nam	2
3	Luật Lao động	2

5. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Khoa học máy tính

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Cơ sở dữ liệu	2
2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
3	Mạng máy tính	2

6. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	2
2	Kết cấu nhà thép	2
3	Kỹ thuật lắp ghép công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp	2

7. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Kỹ thuật điện tử

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Xử lý tín hiệu số	2
2	Mạch và linh kiện điện tử	2
3	Hệ vi xử lý và giao diện	2

8. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Quan hệ quốc tế

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Nhập môn quan hệ quốc tế	2
2	Nghiệp vụ công tác đối ngoại	2
3	Lịch sử quan hệ đối ngoại của Việt Nam	2

9. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Kỹ thuật môi trường

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Kỹ thuật môi trường đại cương	2
2	Quản lý môi trường	2
3	Hóa kỹ thuật môi trường	2

10. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Quản trị kinh doanh lữ hành	2
2	Thiết kế điều hành tour	2
3	Tài nguyên du lịch	2

11. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Văn học

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Tác phẩm văn học và các thể loại văn học	2
2	Văn học châu Á	2
3	Văn học phương Tây	2

12. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Hệ thống thông tin quản lý

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Cơ sở dữ liệu	2
2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
3	Hệ thống thông tin quản lý.	2

13. Đối với thí sinh ngành gần dự tuyển ngành Kỹ thuật phần mềm

TT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Cơ sở dữ liệu	2
2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
3	Công nghệ phần mềm.	2